

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TS HỒ NGỌC LUẬT

ThS NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG

Vụ Phát triển KH&CN Địa phương, Bộ KH&CN

Thực hiện mục tiêu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN); đặc biệt, quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá; trong những năm gần đây hoạt động KH&CN địa phương đã có nhiều khởi sắc, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội các địa phương. Bài viết nêu lên một số kết quả hoạt động KH&CN tại các địa phương giai đoạn từ 2011 đến 2014.

Những kết quả đã đạt được

Từ 2011 đến 2014, các tỉnh/thành phố đã dành 3.490.930 triệu đồng (khoảng 49% so với kinh phí sự nghiệp khoa học được Trung ương phân bổ) để triển khai 5.334 nhiệm vụ KH&CN (trong đó năm 2011 là 1.307 nhiệm vụ; năm 2012 là 1.527 nhiệm vụ; năm 2013 là 1.324 nhiệm vụ; năm 2014: 1.176 nhiệm vụ). Các nhiệm vụ tập trung chủ yếu trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp (chiếm 34-39% tổng số nhiệm vụ hàng năm), khoa học kỹ thuật và công nghệ (chiếm 16,7-26,7%). Với chủ trương các nhiệm vụ KH&CN ở địa phương phải tập trung theo hướng nghiên cứu ứng dụng là chính, nên nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế sản xuất và đời sống, mang lại ý nghĩa thiết thực.

Có thể kể đến một số mô hình ứng dụng thành công tại các địa phương như: đã tiến hành khảo nghiệm 201 giống lúa mới (104 giống lúa thuần, 89 giống lúa lai, 8 giống lúa nếp), kết quả đã xác định được một số giống có triển vọng về năng suất, chất lượng như: BG6, RVT11, TBR27, HYT108...; mô hình chăn nuôi lợn an toàn theo quy trình VietGAP; mô hình ứng dụng công nghệ cao chăn nuôi lợn ngoại quy mô công nghiệp (tại Thái Bình); Ứng dụng KH&CN nuôi cá trong hồ chứa nước nhỏ (tại Thái Nguyên); Ứng dụng công nghệ “Chăn nuôi trên đệm lót sinh học” trong chăn nuôi lợn, gia cầm (Vĩnh Phúc, Hà Nam); Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm trừ sâu sinh học Ometar phòng trừ rầy nâu hại lúa và chuyển giao

quy trình sản xuất nhanh chế phẩm trừ sâu sinh học Ometar ở quy mô nông hộ (Trà Vinh)... Tại Đồng Nai, việc xây dựng và phát triển mô hình cây thanh long ruột đỏ có hiệu quả cao ở huyện Trảng Bom đã mang lại lợi nhuận 150.000.000 đ/ha/năm. Sau gần 3 năm triển khai đã có doanh thu là 30 tỷ đồng, trong khi chi phí cấp cho dự án ban đầu chỉ 2,3 tỷ đồng. Bình Định đã nghiên cứu tuyển chọn giống và kỹ thuật canh tác lúa nhằm nâng cao hiệu quả cho các vùng khó khăn do thiếu nước, nhiễm mặn, chua phèn của tỉnh. Hòa Bình đã tiến hành khảo nghiệm sản xuất 2 giống lúa MĐ1 và MĐ25 tại xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi...

Trong giai đoạn này, công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại các địa phương đã tổ chức



Mô hình cây thanh long ruột đỏ mang lại hiệu quả cao tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

kiểm định được 4.414.849 lượt các phương tiện đo; 5.355 đơn vị được cấp chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO; gần 6.000 tiêu chuẩn kỹ thuật mới được ban hành. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng của các địa phương đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, chống gian lận thương mại, bảo vệ quyền, lợi ích của người tiêu dùng và trật tự trong sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý công nghệ đã được các địa phương quan tâm đầu tư, đẩy mạnh. Từ năm 2011-2014, có 1.994 dự án đầu tư công nghệ của 63 tỉnh/thành phố đã được thẩm định; 220 hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được thẩm định; 77 công nghệ được giám định.

Trong giai đoạn này, các địa phương đã hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho 3.917 cơ sở; thẩm định, cấp phép cho 3.659 cơ sở đủ tiêu chuẩn về an toàn bức xạ; thường xuyên kiểm tra an toàn và kiểm

soát bức xạ hạt nhân tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng nguồn phóng xạ. Nhiều địa phương đã chủ động thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp, khu công nghiệp đóng trên địa bàn có sử dụng nguồn phóng xạ.

Đặc biệt, trong năm 2014, với tinh thần khẩn trương, trách nhiệm, Sở KH&CN thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ và thành phố nhanh chóng tìm được thiết bị chứa nguồn phóng xạ hạt nhân của Công ty TNHH Apave châu Á - Thái Bình Dương chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh bị mất cắp. Bộ KH&CN cũng đã kịp thời xem xét, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố hạt nhân trên địa bàn thành phố, để có quy trình xử lý tốt nhất khi các sự cố không mong muốn xảy ra; phân cấp cho các tỉnh/thành phố, đặc biệt là các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh quản lý tốt các thiết bị, nguồn phóng xạ ứng dụng trong công nghiệp, y học và các ngành dịch vụ khác.

Các địa phương đã tập trung tuyên truyền phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, các diễn đàn như: tổ chức các sự kiện nhân Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới, thiết kế, in các ấn phẩm và thực hiện các chương trình tuyên truyền trên Đài phát thanh - truyền hình địa phương. Đã có 38.543 đơn đăng ký về sở hữu trí tuệ; 28.335 văn bằng chứng chỉ bảo hộ đã được cấp trong giai đoạn từ 2011-2014. Hình thành nguồn dữ liệu và xây dựng hồ sơ dự án tham gia chương trình phát triển tài sản trí tuệ theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 6.12.2010 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đến 2020.

Đến nay, 63 tỉnh/thành phố đã thiết lập Website và sử dụng Internet để trao đổi thông tin. Tham gia sử dụng, tổ chức hội nghị trực tuyến và khai thác thông tin trên mạng VinaRen, tư vấn hỏi đáp qua mạng; tổ chức hội nghị trực tuyến... xây dựng và đưa vào hoạt động các sàn giao dịch công nghệ hiệu quả.

Nhận thức rõ vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN, trong thời gian qua, các địa phương đã chủ động tham mưu cho các cấp quản lý xây dựng kế hoạch và tổ chức các đợt thanh tra định kỳ, thanh tra chuyên đề, thanh tra, kiểm tra đột xuất các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Hiện nay, hoạt động KH&CN cấp huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực. Một số lớn các địa phương đã ban hành văn bản quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên

môn về KH&CN thuộc UBND cấp huyện. Nhiều địa phương đã tiến hành hướng dẫn, bố trí nhân sự, kinh phí và nhiệm vụ cho cấp huyện hoạt động. Điển hình trong hoạt động KH&CN cấp huyện thời gian qua là các địa phương: Đồng Nai, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nội, Tuyên Quang, Phú Thọ, thành phố Hồ Chí Minh... Bình quân, hàng năm có gần 250 đề tài/dự án KH&CN cấp huyện được thực hiện, với kinh phí khoảng 90 tỷ đồng, trong đó từ nguồn sự nghiệp KH&CN chiếm 43%, từ nguồn kinh phí của huyện chiếm 15% và từ nguồn khác chiếm khoảng 42%.

Có thể thấy, từ năm 2011-2014, hoạt động KH&CN đã tập trung triển khai đổi mới một cách mạnh mẽ, đồng bộ từ công tác tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN. Các địa phương đã quan tâm nhiều hơn việc đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức KH&CN, đặc biệt là các Trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và các Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thông qua việc xây dựng các đề án tăng cường tiềm lực KH&CN sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển cho KH&CN. Nhiều địa phương đã xây dựng các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nguồn vốn khác ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học của Nhà nước. Đối với doanh nghiệp, một số địa phương xây dựng cơ chế đồng bộ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, vay vốn tín dụng ngân hàng để đầu tư cho hoạt động KH&CN. Các kết quả nghiên cứu đã có địa chỉ ứng dụng cụ thể, sát với thực tiễn, đây cũng là một động lực góp phần

tăng tỷ lệ các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Đã quan tâm hơn trong việc đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN trong hoạt động nghiên cứu - triển khai theo tinh thần đổi mới hoạt động KH&CN, tuy nhiên tỷ lệ đặt hàng chưa cao. Số lượng các kết quả nghiên cứu, các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng và triển khai nhân rộng được tăng lên rõ rệt, đạt khoảng 50-70% tổng số kết quả nghiên cứu ứng dụng theo lĩnh vực nghiên cứu. Các địa phương đã sát cánh cùng với doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là đối tượng trung tâm để hoạt động KH&CN tác động thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh thông qua các hoạt động: hỗ trợ đổi mới công nghệ, tăng cường xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, đẩy mạnh phong trào tăng năng suất, chất lượng, phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tạo lập tam giác liên kết "doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước - đơn vị nghiên cứu", khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho các đề tài/dự án KH&CN

phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo cơ chế nhà nước hỗ trợ 30% kinh phí, doanh nghiệp đầu tư 70% kinh phí. Hoạt động tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế về công tác sở hữu trí tuệ thường xuyên được chú trọng, đem lại lợi ích thiết thực cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Các sản phẩm được bảo hộ về nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý đã có giá trị hơn rất nhiều lần so với thời điểm chưa được cấp giấy chứng nhận bảo hộ (Bưởi Tân Triều - Đồng Nai; Cam Cao Phong - Hòa Bình...). Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thanh tra của các địa phương ngày càng được quan tâm đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, chống gian lận thương mại, góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, nâng cao năng lực cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp...



Bưởi Tân Triều, Đồng Nai

Một số vấn đề tồn tại

Về hoạt động nghiên cứu - triển khai: việc phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học cho các nhiệm vụ KH&CN ở một số địa phương còn mang tính dàn trải; chưa có nhiều địa phương xây dựng được các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực, các nhiệm vụ có tính liên tỉnh, liên vùng. Đa phần các nhiệm vụ KH&CN thường chỉ giải quyết những vấn đề đơn lẻ, chuyên biệt, phục vụ chủ yếu cho một ngành, một cơ sở của địa phương nên không đủ mức độ cần thiết để tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống cung cấp, trao đổi thông tin toàn quốc về danh mục, kết quả các đề tài/dự án KH&CN ở các địa phương vận hành chưa tốt nên khó tránh khỏi sự trùng lặp trong nghiên cứu, gây lãng phí.

Mặc dù có nhiều kết quả nghiên cứu ứng dụng đã được triển khai nhân rộng vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, song nhìn tổng thể thì tỷ lệ kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn trên tổng số nhiệm vụ KH&CN được thực hiện là chưa cao, vẫn còn nhiều kết quả nghiên cứu có khả năng áp dụng vào sản xuất nhưng việc triển khai nhân rộng, đưa các kết quả này vào sản xuất và đời sống còn chậm, chưa hiệu quả. Việc xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ, đổi mới từng mô hình thì có kết quả tốt, nhưng việc phổ biến, nhân rộng còn khá hạn chế. Nguyên nhân là do nhiều địa phương chưa xây dựng được cơ chế hỗ trợ nhân rộng kết quả sau khi nghiệm thu đề tài/dự án và chưa thực sự quan

tâm đến việc tổ chức mối liên kết “bốn nhà” (Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nông dân) trong việc xây dựng các dự án sản xuất thử nghiệm, nhân rộng kết quả nghiên cứu.

Công tác xã hội hóa hoạt động KH&CN chưa được đẩy mạnh, nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước chi cho KH&CN còn khá thấp. Hiện nay, mới có 31/63 địa phương có Quỹ phát triển KH&CN, vốn hoạt động của Quỹ chủ yếu được cấp từ ngân sách nhà nước... Số Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp còn rất ít và việc thực hiện kinh phí Quỹ của doanh nghiệp còn gặp nhiều vướng mắc, khó giải ngân.

Việc hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa bước đầu các địa phương đã quan tâm, nhưng do nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học có hạn, nên việc hỗ trợ doanh nghiệp chưa được nhiều. Mặt khác, các doanh nghiệp ở địa phương hầu hết là doanh nghiệp vừa và nhỏ, còn nhiều doanh nghiệp chưa thấy việc đầu tư ứng dụng KH&CN là một trong những điều kiện tiên quyết để đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và để phát triển doanh nghiệp, nên hoạt động nghiên cứu - triển khai trong các doanh nghiệp chưa được đẩy mạnh. Năng lực công nghệ của các doanh nghiệp trong địa phương nhìn chung còn yếu, số doanh nghiệp có đầu tư, đổi mới công nghệ không nhiều, trình độ công nghệ của một số nhóm ngành chủ lực chỉ đạt mức trung bình tiên tiến so với cả nước. Sự

quan tâm đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp còn hạn chế.

Mặc dù các địa phương đã quan tâm nhiều đến việc đầu tư tăng cường tiềm lực KH&CN cho các tổ chức KH&CN, song đến nay các tổ chức KH&CN địa phương vẫn chủ yếu là nhỏ, bình quân khoảng 20 người/tổ chức; cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, tuy ngày càng được đầu tư, trang bị, nhưng còn thiếu và yếu. Nhân lực có trình độ cao tập trung chủ yếu ở 2 vùng: Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, trong đó tập trung chủ yếu tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Còn lại số nhân lực KH&CN ở các địa phương thuộc các vùng khác còn mỏng và hạn chế về trình độ chuyên môn, nhất là số cán bộ trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu - triển khai, thiếu các chuyên gia đầu ngành.

Do chưa có hướng dẫn thống nhất và có hiệu lực trong việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN, nguồn kinh phí đầu tư phát triển KH&CN do Trung ương cân đối qua ngân sách địa phương nên dẫn đến cách hiểu khác nhau giữa cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN với các cơ quan quản lý về tài chính, kế hoạch và đầu tư ở địa phương.

Định hướng đến năm 2020

Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN, cụ thể: chủ động tham mưu cho địa phương ban hành cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển KH&CN phục vụ các

mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật về phát triển KH&CN; tập trung thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thị trường, doanh nghiệp ứng dụng và đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ...; tăng cường quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ, đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; hoạt động của các tổ chức KH&CN; chủ động xây dựng các dự án tăng cường tiềm lực KH&CN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: bao gồm cơ cấu tổ chức, bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật...; đẩy mạnh hơn nữa hoạt động sở hữu trí tuệ (bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, hỗ trợ xây dựng và phát triển các tài sản trí tuệ tại địa phương), khuyến khích, phổ biến thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo...; hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng (xây dựng và tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đo lường, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo ISO...); hoạt động an toàn bức xạ hạt nhân (các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ, quan trắc phóng xạ môi trường, quản lý khai báo, thống kê nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, chất thải phóng xạ, phương án kiểm soát sự cố bức xạ, xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn bức xạ hạt nhân); hoạt động thông tin, thống kê

KH&CN (quản lý thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN, đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê; thông tin KH&CN phục vụ lãnh đạo và quản lý, đảm bảo chế độ báo cáo thống kê cơ sở, quản lý phát triển nguồn tin khoa học, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, Techmart...); thường xuyên thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động KH&CN trên địa bàn...

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: xây dựng thành các chương trình, đề án KH&CN phục vụ trực tiếp các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương đặt ra cho giai đoạn đến 2020; tập trung huy động các nguồn lực để khai thác và phát triển các sản phẩm có lợi thế so sánh về chất lượng, năng suất, tính đặc thù của địa phương như: xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản phẩm hàng hóa, tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư sản xuất, tiêu thụ...; tập trung nguồn lực cho việc áp dụng, ứng dụng, triển khai nhân rộng các kết quả nghiên cứu đã có hoặc có thể mua, nhận chuyển giao...; hạn chế tối đa việc tổ chức các đề tài nghiên cứu mang tính lý thuyết, cơ sở lý luận, khó ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống...; thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu, công bố, áp dụng, ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ KH&CN; tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân áp dụng công nghệ mới, đổi mới công nghệ để tăng năng

suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường và tạo ra nhiều việc làm mới cho người dân; tập trung hỗ trợ công nghệ, thiết bị cho việc xử lý rác thải, môi trường bị ô nhiễm, nước sinh hoạt...

Về công tác xây dựng kế hoạch và sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN: chủ động tham mưu cho UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương xây dựng dự toán chi cho KH&CN hàng năm đảm bảo 2% tổng chi ngân sách trên địa bàn; các Sở KH&CN chủ động xây dựng hoặc chủ động phối hợp với Sở Tài chính để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho KH&CN của năm 2016 theo tinh thần của Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17.10.2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN. Đối với kinh phí sự nghiệp khoa học, bảo đảm cơ cấu chi 60-65% cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, còn lại chi phục vụ quản lý nhà nước và các khoản khác. Đối với kinh phí đầu tư phát triển, Sở KH&CN chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND cấp tỉnh việc xây dựng dự toán, kế hoạch và phê duyệt các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN, trong đó lưu ý xây dựng các dự án đầu tư nâng cao năng lực cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 15.3.2012 của Thủ tướng Chính phủ ✍